

Bản án số: 136/2018/HN&GD-ST

Ngày: 23/04/2018

V/v Ly hôn H - T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tiền

2. Ông Nguyễn Ngọc Nghĩa

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Ngày 23 tháng 04 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 508/2017/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXX – ST ngày 14 tháng 03 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Tổ 24, ấp MT, xã MP, huyện CP, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Tổ 09, ấp BC, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang.

Bà H có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2017 và lời khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H trình bày: Bà và ông T chung sống vợ chồng năm 2001, đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được vài tháng, khi bà có thai con thì ông T chỉ lo ăn chơi, cờ bạc, uống rượu về là đánh đập vợ. Bà đã nhiều lần về nhà cha mẹ ruột sống nhưng chồng không thay đổi, khi chung sống ông T thường hay đánh đập bà. Đến năm 2006, ông T có tình cảm với người phụ nữ khác, về nhà càng đánh đập bà nhiều hơn. Bà đã đưa con về nhà cha mẹ sống từ đó đến nay. Ông T đã có vợ khác và có con. Nay bà xin ly hôn với ông T.

Bà và ông T Có 01 con chung Trần Thị Mỹ P, sinh năm 2002 từ trước đến nay bà trực tiếp nuôi dưỡng và lo cho con ăn học đầy đủ. Bà yêu cầu được nuôi con chung, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, Bà H giữ nguyên yêu cầu ly hôn, được nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T là bị đơn, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập xét xử hai lần nhưng không có mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Tùng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Bà H và ông T kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn với Ủy ban nhân dân xã VTT. Bà H cho rằng sau kết hôn ông T ăn chơi, cờ bạc, uống rượu về nhà là đánh đập bà. Đến năm 2006 ông T chung sống vợ chồng với người phụ nữ khác và đã có con. Bà và ông T không còn chung sống từ đó đến nay.

Ông T đã được tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải nhưng không có mặt và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà H.

Bà H và ông T là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình. Quá trình chung sống, ông T thường hay đánh đập bà H, không chăm lo cho gia đình. Ông T và bà H không còn chung sống với nhau 10 năm, ông T đã có vợ con khác. Ông T và bà H tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu cho ly hôn giữa bà H và ông T.

Bà H và ông T có một con chung Trần Thị Mỹ P, sinh năm 2002 từ khi vợ chồng không còn chung sống năm 2006 đến nay bà H trực tiếp nuôi con chung. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét con chung từ khi vợ chồng ly thân đến nay bà H là người trực tiếp nuôi con, cháu P có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao cháu P cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu nên không buộc ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà H có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông T đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà H trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 59, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích H và ông Trần Văn T

Về con chung:

Bà Hậu và ông Tùng có 01 con chung Trần Thị Mỹ P, sinh năm 2002. Giao cháu P cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà H có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông T đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có quyền xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung:

Bà H trình bày không có và không yêu cầu giải quyết.

Về án phí:

Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017454 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP. Bà H không phải nộp thêm án phí.

Các đương sự có quyền kháng trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án. Ông Tùng vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh An Giang.
- VKS H. Châu Phú.
- THA H. Châu phú
- Các đương sự.
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thế Văn